

Truyện Nguyễn Bản

Vnthuquan.net, 2009.



Ánh Trăng

Hai lần tôi ly hôn và giờ đây vẫn độc thân. Tại tôi tất cả hay phần nào tại chị? Chị hơn tôi năm tuổi, họ ngoại xa với tôi, theo luật hôn nhân bây giờ có thể lấy nhau. Chị đẹp lắm, vì vậy lắm lời đồn đại những chuyện trăng hoa. Bố mẹ mất sớm, mười bốn tuổi chị đã xuống Hải Phòng làm thuê cho một hiệu tạp hóa, người cùng làng.

Mùa hè năm 1944, Hải Phòng khó sống, chị về làng ở với dì ruột. Thình thoảng chị đến nhà tôi chơi. Tôi mới ở tuổi thiếu niên mà đã ngẩn ngơ trước sắc đẹp của chị. Chị thường mặc áo lụa màu mỡ gà, ít khi vấn tóc, mớ tóc đen mượt chảy dài như suối qua đôi vai tròn và đầy đặn xuống sau lưng chị. Mỗi khi nói, chị thường hơi lú lú, lú lú nhưng giọng lại rung lên trong âm ỉ thường. Khi chị cười, mà chị thường luôn cười, tất cả mặt chị đều cười, miệng cười, mắt cười, đôi mắt đen cong lên, tóc và vai cũng cười theo. Da chị nõn nà, da và lụa như lẫn vào nhau, những đường cong lẩn lên trên quần áo như đang

chuyển động. Tạo hóa như không hề có chút khiếm khuyết nhỏ nào trên khuôn mặt và cơ thể chị.

Một hôm, chị bảo nóng quá, tối xuống ngủ ở nhà tôi. Cha tôi không ưa chị, không nói gì. Nhưng mẹ tôi vốn dễ dãi, bảo nhà rộng mát, chỉ có ba người, một dãy phản bỏ không, cả chục người đến ngủ còn rộng. Tối chị đến, hình như vừa tắm gội xong. Tóc chị xõa ra để hong khô, thoang thoảng mùi hương sả và từ da chị vẫn còn tỏa ra thứ xạ phòng thơm ngậy như mùi phấn rôm. Bố mẹ tôi buồn bán, cũng có cửa, một mình tôi một chiếc màn tuyn trên phản gỗ lát gần ba chiếu, ở nhà trên năm gian hướng đông. Bố mẹ tôi ngủ ở nhà khách hướng nam. Chị mặc bộ đồ lót lụa, chẳng để ý gì đến tôi, coi tôi như trẻ con, mặc dầu tôi đã mười ba và đã đậu xéc-ti-phi-ca (1). Đã thế chị còn trò chuyện với tôi như không, mãi rồi mới ngủ, còn tôi thì bồn chồn xao xuyến trong lòng.

Nhà hướng đông, nằm sát bậc cửa, ánh trăng tràn qua màn tuyn tưới lên mái tóc và cơ thể chị. Chị nằm nghiêng, quay về phía tôi, khuôn mặt tuyệt đẹp hơi ngửa lên như hứng trăng, hai tay vươn ra như đang đón ai, đôi nọ ấp hờ đôi kia, hơi thở nhẹ nhàng. Từ người chị tỏa ra mùi phấn rôm và ánh trăng cũng như tràn ra từ đấy.

Tôi xao xuyến không hiểu từ làn da mịn màng của chị, hay do ánh trăng, hay do mùi phấn, hay tất cả đã hòa quyện cùng nhau, thậm chí tôi không còn phân biệt đâu là màu lụa, đâu là ánh trăng, đâu là da thịt chị. Tôi như không còn biết mình là ai nữa, đắm đuối, mãi mê, hồi hộp nhìn chị, đôi lúc nhìn lại thân thể da thịt mình buồn nản thấy mình vô nghĩa.

Mãi tôi mới chớp mắt được, nhưng rồi cứ chập chờn, thỉnh thoảng lại mở to mắt xem chị có thực không, còn ở bên tôi không hay đã biến

mất. Tôi chợt ngủ, chợt thức, một lần bỗng rùng mình nhận ra đuôi chị mịn như nhung, lúc ấm, lúc mát, gác lên đùi tôi. Tôi để yên không dám cựa quậy, sợ chị rút chân về.

Lúc này trăng đã ra khỏi nhà. Tất cả chỉ còn nhờ nhờ, càng làm tăng cảm giác về làn da chị. Tôi không rõ mình ngủ thiếp đi lúc nào, nhưng chắc chắn, khi tôi bắt đầu thiếp đi, đuôi chị vẫn còn trên đùi tôi. Sáng ra khi tôi choàng tỉnh, chị không còn bên nữa. Tôi vùng ngay dậy tìm chị, xem tất cả mọi chuyện đêm qua là thực hay hư. Chị đã rửa mặt và đang chải tóc.

Chị cười bảo tôi:

- Đêm qua chị ngủ ngon quá. Mà sao em hay nói mê thế?
- Thế à? Em nói mê những gì.
- ừ ừ, ừ ừ... nhưng hình như có lần gọi chị.
- Chị có thưa không?
- Em đang ngủ biết gì mà thưa.

Không thấy chị đến ngủ nữa, tôi hỏi chị, chị bảo, hôm nào thật nóng và có trăng mới đến. Rồi tôi nghe phong thanh người ta làm mối cho chị một người làm khăn mũ. Sau đó là đám cưới của chị. Cũng may lúc chị cưới tôi đã ra học ngoài Hà Nội, nếu không tôi sẽ buồn. Từ đấy gặp bất cứ người đàn bà đẹp nào tôi thường cũng đem so, nhưng chẳng ai có thể so với chị.

Hè năm sau, tôi nghe chị đã có con, nhưng được mấy ngày con chết và khoảng sau Cách mạng Tháng Tám, chị bỏ chồng, xuống buôn bán ở tỉnh Nam. Mỗi năm tôi càng bước nhanh sang tuổi thanh niên, cùng với những biến đổi của giới tính, tôi càng hay nghĩ đến chị, đến cái đêm trăng chị ngủ cạnh tôi.

Tôi đã học cùng bao nhiêu bạn gái, cùng lớp, dưới lớp, hầu hết con

ông nọ, bà kia, chẳng ai có thể so với chị, trừ một cô con một ông phán, học dưới tôi hai lớp, khá đẹp, tôi đem lòng si mê ít lâu, nhưng tất cả mọi nét riêng, nét chung đều không thể nào vượt mà, hoàn chỉnh như chị, kể cả nước da cô có phần trắng hơn, hồng hơn, nhưng không thể lẫn vào lụa và trắng như da chị. Đôi lúc tôi lẩn thẩn tự hỏi, nếu như bây giờ chị lại nằm cạnh tôi, hắt trắng ra như thế, tôi sẽ làm gì, tôi có dừng lại mặc cho đùi chị gác lên đùi tôi để tận hưởng làn da vừa ấm vừa mát hay không. Tôi, một học sinh chuyên khoa đã mười tám, mười chín, tương đối đẹp trai? Tôi có còn cảm thấy mình vô nghĩa nữa không?

Mãi tới năm 1952, một lần đi công tác, tôi mới lại gặp chị. Gặp chị giữa đỉnh đèo Khế. Tôi từ phía Sơn Dương về. Chị từ phía Cao Vân sang. Chị mặc áo phin nâu, gánh đôi tay nải.

Chị nhìn thấy tôi trước:

- Cậu Hoàng!

Tôi cũng nhận ra chị ngay, mấy ai có dáng người đẹp như thế.

- Chị Vân!

Chị bỗng ngừng nhìn tôi:

- Cậu lớn quá rồi, lại xinh trai nữa.

Không còn gì bằng được khen như thế, từ nay với chị, tôi không còn là trẻ con nữa. Như một chàng trai thực thụ, tôi rủ chị tới ngồi nghỉ dưới một bóng cây bên vách núi rìa đường.

- Cậu vẫn đi học đấy chứ?

- Em thôi rồi, em đi công tác. Tôi khoe luôn đã đi công tác cho oai, cho chị biết tôi đã là người lớn.

Ai ngờ chị lại hỏi tôi:

- Cậu đã học hết lớp sáu rồi đấy nhỉ?

Thế đấy, tôi nóng cả mặt, tôi đã học xong tú tài, đã công tác ở một ban huấn học một cơ quan trung ương; chị vừa khen tôi xinh trai, lại hỏi tôi như thế, tất nhiên chị chẳng hiểu nghĩa lớp sáu thế nào, nhưng dù sao chị vẫn có phần coi tôi bé nhỏ, trong khi tôi vẫn hằng xao xuyến mỗi đêm có trăng lọt vào giường tôi, mà lại gặp nhau tình cờ giữa nơi thơ mộng ở rừng núi này. Tôi hơi giận, không trả lời chị. Đã thế chị còn cho biết chị đã lại lấy chồng, hai vợ chồng hiện ở Đồng Bẩm, Thái Nguyên.

- Anh ấy làm gì? - Tôi hỏi sỗ sàng.

- Anh ấy cắt tóc.

Tôi hết giận, bỗng thấy thương chị, sao tạo hóa trở trêu, một tạo phẩm tuyệt mỹ như thế, cứ đặt vào những tình cảnh éo le.

Tôi nhìn chị, chị lại còn đẹp hơn xưa, vẻ đẹp hoàn chỉnh của người đàn bà đã phát triển đầy đủ. Chiếc áo phin nâu càng làm tôn lên phần gáy trắng xanh thon thả, mắt chị càng như đen hơn.

Tôi buột miệng:

- Chị đẹp thế, sao không kiếm một người xứng đáng, thiếu gì người?

Chị thở dài:

- Các cụ bảo hồng nhan đa truân.

Tôi lại càng thương cảm chị hơn. Sao tôi không phải là người khác họ, không lớn tuổi hơn, hoặc ít ra bằng chị? Tôi đang nghĩ vẩn vơ thì một chiếc hen-cát từ phía Cao Vân bay xoẹt qua đầu. Chị hoảng hốt ôm chầm và dúi đầu vào ngực tôi. Một chiếc nữa xoẹt qua. Tôi vòng tay ôm lấy chị như để che chở, thầm mong những giây phút này kéo dài. Nhưng chúng không quay lại. Chị gỡ tôi ra, búi lại tóc, chỉ nghĩ đến máy bay, không hề hay biết mấy phút vừa qua, một bên vú chị đã ép chặt ấm nóng trên ngực tôi.

- Thôi, chị em mình đi đi, chị thấy bảo nó bắn mấy người chết ở đèo này rồi đấy. Chợt nhớ ra điều gì, chị hỏi tôi:

- Ở chỗ cậu có bị sốt rét không?

- Có, nhưng em chưa bị. Chị mở tay nải, bên trong là thuốc tây, dầu con hổ, xà phòng thơm, v.v... lấy ra một tuýp pa-u-đrin 100 viên đưa cho tôi:

- Cậu cầm lấy uống phòng, không bị vàng da như ký ninh vàng đâu. Tôi miễn cưỡng cầm, và khi chị đi khỏi, tôi cúi kính vút tung xuống vục. Tôi cần gì cái thứ ký ninh đáng này. Hòa bình lập lại, tôi lại gặp chị ở Hà Nội. Chị đã lấy một người chồng khác, làm nghề thợ may ngồi chợ. Chị ở sâu mãi tít trong một ngôi nhà ở ngõ Hàng Cháo, phòng chị ở rộng chừng 15 mét vuông, vốn là công trình phụ. Thỉnh thoảng tôi vẫn đến chơi với chị. Mỗi lần đến với chị về, gần như tôi lại thay đổi người yêu. Có lần xuýt nữa tôi đã ngủ với một cô. Một cặp đùi và hông màu nâu hồng tuyệt đẹp, nhưng ngực hẹp và đôi vú nhỏ rất không cân xứng. Tôi lại nhớ đến dáng chị nằm như bơi trong trắng. Thế là tôi không ham muốn nữa. - Anh thử em đây thôi. Và tôi kéo quần áo lại cho cô. Rồi tôi thôi không đến với cô.

Ba mươi tuổi tôi vẫn chưa lấy vợ. Chị giục tôi:

- Cậu cứ kén mãi, già mất thôi.

Rồi chị kéo tôi ra tủ gương, đứng sát vào người tôi:

- Thấy chưa, cậu già hơn chị mất rồi. Chị cứ đứng sát vào tôi như thế, nhìn gương, nhìn tôi, mớ tóc đen dày chảy như suối trên vai chị, đôi mắt đen như nhung cong lên, như thách đố. Và mùi phấn rôm. Tại sao vẫn cứ mùi phấn rôm? Mùi phấn rôm làm tôi nhớ tới ánh trắng. Tôi nhắm mắt lại.

- Kìa, cậu làm sao thế?

- Em hơi chóng mặt.

- Thế à, chị lấy dầu cho.

Chị thoa lên thái dương tôi. Dầu làm nóng bừng hai bên thái dương, nhưc nhối.

- Thôi, em về đây.

- Đừng, nhớ sao dọc đường thì chết.

- Không sao, em ra đường thoáng hơn.

*

* *

Tôi lấy vợ rồi tôi bỏ vợ. Chị hỏi tôi:

- Tại sao cậu bỏ vợ ấy?

- Có nói chị cũng không hiểu được. Chị cười, dí vào trán tôi:

- Chắc lại phải lòng cô nào chứ gì? Đẹp trai lại học cao như cậu là hay tệ lắm.

- Vâng, nhưng lại phải lòng người có chồng rồi.

- Dở dẩn, thiếu gì người, phải đâm vào chỗ nạ dòng, để chị tìm cho, chị mà ưng, cậu cũng phải ưng.

Chị tìm cho tôi thật, ba bốn cô, nhưng làm sao chị biết được người tôi muốn lấy phải như thế nào. Rút cục tôi vẫn lấy, rồi tôi lại bỏ, do không bao giờ tìm thấy cảm giác về làn da vừa ấm vừa mát khi xưa.

Chị cảm cảnh cho tôi và chị:

- Xem ra đường nhân duyên chị em mình đều vất vả như nhau.

- Vâng, nhằm cửa lung tung cả. Nói rồi, tôi nhìn chị xem chị hiểu thế nào. Hình như chị lại hiểu khác, chị bảo:

- Như cậu ngày xưa phải lấy được con quan.

- Còn chị, đáng ra chị phải là vợ một ông bộ trưởng. Chị cười, mắng

yêu tôi:

- Chị nói thật tình, còn cậu lại trêu chị.
- Em không trêu đâu, chị còn đẹp hơn bà Máccốt (2) đấy.

Lời tôi nói thiêng một nửa. Chị trở thành cấp dưỡng cho một ông bộ trưởng. Chuyện đó xảy ra khoảng thời gian đầu sơ tán chống Mỹ.

Tôi đến nhà chị, tức tối:

- Làm gì chẳng làm, sao lại nhận cái việc ấy?
- Thế cậu bảo chị làm gì? Văn hóa chẳng có, chữ nghĩa dăm ba câu, trước còn chạy chợ nhì nhằng, bây giờ sơ tán, làm gì?
- Tự chị đi xin à?
- Chán cậu, chị biết đằng nào mà lần, mà tự dưng ai dám đến những chỗ ấy, một bà ở thực phẩm thấy chị cẩn thận, sạch sẽ, giới thiệu cho đấy chứ.
- Thế bà ta đâu, bà bộ trưởng ấy, thường thường các ông ấy luôn dành tiêu chuẩn cấp dưỡng cho vợ mình kia mà.
- Bà ấy đi sơ tán với các con, thế mới đến lượt mình.
- Ra chỉ mình họ cần tránh bom đạn thôi ư?... Rồi yên, bà ấy về thì sao?
- Lúc ấy hầy hay, cứ biết làm là làm đã.

Chợt nghĩ đến việc vợ con ông ta đi sơ tán cả, đầu óc tôi tối sầm. Tôi mười ba tuổi còn ngẩn ngơ trước sắc đẹp của chị. Chẳng lẽ tôi là một ngoại lệ? Chẳng lẽ ông ta, một ngoại lệ nghịch đối?

- Chỉ mỗi mình ông ta ở nhà thôi à?
- Có bảo vệ nữa chứ. Chị nói vậy, tôi nhẹ nhõm đi một chút, nhưng rồi vẫn băn khoăn:
- Chị ăn uống luôn ở đấy chứ?

- Chị về ăn ở nhà, mình làm gì có tiêu chuẩn ăn ở đấy... Mà sao cậu cứ cật vấn mãi chị thế? Điều tôi vẫn kìm giữ, chợt nổ tung ra:
 - Là bởi vì em không thích chị làm cấp dưỡng cho ông ta, thế thôi
 - Rồi tôi lảm nhảm:
 - Nếu em có quyền, em sẽ cấm chị, nếu em hơn tuổi chị... nếu em...
 - Chị biết rồi...
 - Chị nói bằng một giọng như người có lỗi.
 - Nhưng ông ta tốt lắm...
 - Tôi thì kém gì họ, thậm chí học vấn còn hơn họ, tâm hồn tư cách, chắc ai hơn ai. Tôi vừa nói vừa vùng vằng bỏ về. Bẵng đi mấy tháng tôi không đến chị, nhưng tôi đâu có được thư thái. Tôi nghĩ ngợi lung tung. Nghĩ tới các ngoại lệ. Tôi suy diễn đủ chuyện.
- Rút cuộc tôi vẫn phải mò đến chị, chị hơi đẩy ra, trắng hơn, càng đẹp, nhưng hơi buồn. Chưa bao giờ tôi trông thấy chị buồn. Với tôi, mắt chị bao giờ cũng cười, lần này mắt chị không cười. Chị buồn buồn hỏi tôi:
- Sao lâu cậu không đến chơi?
 - Độ này em bận.
 - Bận hay giận chị?
- Chị nghĩ tôi giận nên buồn ư? Tôi chả còn mong gì hơn thế nữa. Tôi cố tỏ ra không phải tôi giận chị. Nhưng chị vẫn ít khi cười nữa. Khi cười, khi ưu tư. Về phía tôi, tôi cũng đắm ưu tư về nỗi ưu tư của chị. Khoảng một năm sau, tôi thấy chị đeo cái vòng ngọc cẩm thạch. Cánh tay chị như cánh tay vũ nữ, chiếc vòng ngọc càng làm cho nõn nà hơn. Tôi lạnh lùng hỏi chị:
- Chị mới mua à? Chị không trả lời câu hỏi mà lại giơ cánh tay lên hỏi tôi:

- Cậu bảo có đẹp không? Tôi bực mình:
- Đẹp là ở cánh tay chị ấy, đâu phải cái vòng, nó vướng thêm thì có. Từ đó tôi ít đến chơi.

Mấy năm sau nữa, lúc bắc nam đã thống nhất, chị khoe chị được thưởng phiếu nghỉ ở Sầm Sơn và hỏi tôi đã lần nào đi Sầm Sơn chưa? Tôi trả lời bằng một giọng hờn dỗi, pha chút mỉa mai:

- Đi Sầm Sơn là phải có đôi, tôi có đôi đâu mà đi!

Sau đó mấy hôm, một buổi sáng, tôi đang đạp xe trên đường Phan Đình Phùng, một chiếc vôn-ga đen lướt nhẹ qua tôi. Tôi vô tình nhìn vào trong xe. Nhưng xe lướt nhanh quá, tôi chỉ thoáng thấy người đàn bà ngồi ở ghế sau, tay đeo vòng ngọc tỳ lên cửa kính, cánh tay nõn nà như tay vũ nữ. Ngồi cạnh tài xế, ghế trước là một người hói trán, không rõ mặt, chỉ rõ chiếc kính râm và cái gáy u lên những mỡ. Từ đấy tôi chỉ còn gặp chị trong ánh trăng. Mỗi khi trăng tràn vào trong màn, tôi lại tưởng như chị nằm nghiêng, quay về phía tôi, đôi khếp hờ, hai cánh tay vươn ra đón tôi. Tôi nghe thấy như chị bảo:

- Cậu trẻ con quá!
- Đến bao giờ chị mới thôi coi em là trẻ con?
- Thì đã có lần nào cậu là người lớn đâu!

Tôi có yêu chị không? Chưa bao giờ tôi hỏi mình như vậy. Và có hỏi cũng khó trả lời. Tôi có yêu chị không hay tôi chỉ muốn tìm yêu một người như chị? Nhưng nếu tôi đã khẳng định không ai có thể so với chị, phu nhân tổng thống cũng không bằng, bao giờ tôi mới tìm được một người như thế? Tuy nhiên tôi vẫn đi tìm trong ánh trăng, ánh trăng từ chị hát ra đêm hôm ấy, cái đêm tôi còn làm một thiếu niên trong trắng, ngây thơ, ánh trăng và mùi phấn rôm làm tôi xao xuyến, chơi vơi mãi trong đời.

Và chị có cho là tôi yêu chị không?

Đêm 27-9-91

Trăng lên

1. Chứng chỉ hết cấp tiểu học.

2. Vợ tổng thống Mác-cốt (Philippines).

Nguyễn Bản

Đình Thiêng

Khánh Chi, một nhà báo nữ ngỡ ý muốn tôi đưa về thăm đình làng Bính, nghe nói là một kiệt tác về kiến trúc được xây dựng cách đây gần ba trăm năm, và ngày xưa rất thiêng. Kiến trúc, tôi không sành, nghe nói là kiệt tác thì biết vậy, còn ngày xưa rất thiêng, tốt nhất hãy kể cho cô nghe ít chuyện trước khi cùng về.

Đúng là hồi bé, tôi cũng nghe nói đình làng tôi rất thiêng, nhưng hình như chỉ toàn trẻ con nói với nhau thôi, chẳng bao giờ hỏi lại người lớn xem thực hư thế nào.

Những chuyện Tây đàm về thăm đình, chạm vào đồ thờ, đều như bị điện giật, ngã lăn quay, cười nói xì xồ bị méo mồm, dòm ngó vào hậu cung bị lác mắt, mấy con đầm mặc váy ngắn quá vừa bước qua cửa võng đã bị đau bụng quần quai nôn thốc, nôn tháo, rồi chụp ảnh, ảnh

bao giờ cũng đen kịt, hoặc trắng xóa không có hình v.v...

Tất cả đều do kẻ gác đình là con chó đá đã thành tinh. Vì thành tinh nên nó có thể biến thành người. Đêm không trăng sao, nó hiện thành cụ già râu tóc bạc phơ lúc ẩn, lúc hiện. Đêm mưa nó biến thành một bà già đội nón rách, mặc áo tơi như một bà già hành khất. Đêm trăng suông, nó biến thành một cô gái trần truồng tóc xõa, da trơn như da lươn, tấm xùm xùm, ngụp lặn ở cầu ao Đình. Có đêm nó lại hiện thành một con chó bông màu trắng, đôi khi kèm theo cả một đàn bốn năm con chó con, cùng nhau đùa giỡn dưới ánh trăng. Người ta còn đồn nếu đào nó lên, phía dưới thế nào cũng có máu tươi, máu những nạn nhân của nó.

Tôi là đứa trẻ táo tợn, hơn nữa ông cha vốn ghét những thói mê tín dị đoan nhảm nhí, vậy mà cũng rợn, tuy luôn muốn thoát khỏi nỗi rợn đó. Rất nhiều lần, tôi tự thách đố mình nhất định đêm nay, mười hai giờ khuya, sẽ qua đầu đình bên kia, nơi trồng chó đá, xem có thấy gì không, nhưng vẫn không đủ sức vượt qua nỗi rợn, lần nào đi gần đến nơi cũng lạnh hết sống lưng, vội rảo bước quay lại, bỏ cuộc. Nghĩ lại những chuyện về chó đá, tôi chỉ thương cho anh Nguyên. Anh người huyện khác, là người ở giúp việc cha tôi. Mẹ tôi bị bệnh đã mất, cha tôi bận việc buôn bán vắng nhà luôn, nhà đôi khi chỉ còn trơ lại tôi với anh, anh lại là người hiền lành, thật thà, nên tình cảm giữa chúng tôi gắn bó như anh em ruột thịt. Lúc đó tôi khoảng mười hai tuổi, đang học lớp nhì tiểu học. Gọi là giúp việc, nhưng thật ra chẳng có việc gì ngoài việc trông nom tôi, cơm nước, giặt giũ, quét dọn nhà cửa. Nhà, sân rộng mênh mông, nên càng vắng vẻ, đôi lúc buồn tình, anh lại ngêu ngao cất lên mấy câu vọng cổ: "Than ôi, thành trì sụp đổ, từ nay thôi hết mộng vương hầu..." hoặc "Quý

nương ơi, quý nương ơi, sao quý nương vẫn lạnh lùng, hờ hững vò xé tâm can kẻ si tình...". Anh kể cho tôi nghe, mười lăm tuổi đã lang thang phiêu bạt vào Nam, từ Tua-ran (Đà Nẵng), qua Phan Thiết, đến Sài Gòn rồi tới tận Cần Thơ, khi làm thợ, thợ nhuộm, thợ mũ, thợ guốc, khi đi ở, khi đi theo gánh thuốc, mãi vớ, cáo chết ba năm quay đầu về núi, thà trở về đi ở, làm thuê trên đất Bắc quê hương. Vì đã phiêu bạt ở những nơi đô hội, nên anh ra dáng dân thành thị hơn là vẻ chân chất quê mùa, mặc dầu ra khỏi cổng, anh phải đeo ngay đôi kính râm để che đi đôi mắt nhập nhèm lông quặm.

Một hôm anh kéo tôi đến ngồi vào bàn giấy của cha tôi, lấy ra một tờ giấy trắng có lẽ mua ở chợ và bảo tôi:

- Viết hộ anh bức thư.

Tôi ngoan ngoãn ngồi viết ngay theo lời anh đọc, không hề hỏi thư gửi cho ai:

Thưa quý nương.

Kể từ hôm xem tuồng ở hội đình, được gặp gỡ, chuyện trò cùng quý nương đến nay đã hơn nửa tháng trời, tôi ngày đêm mong nhớ, ăn không biết ngon, ngủ chỉ mơ màng, không lúc nào nguôi, chỉ mong chóng được gặp lại quý nương để giải bày tâm sự...

Giấy vắn tình dài, mong quý nương lượng thứ.

Ba ngày hội đình, mặc dầu tế lễ linh đình, khói hương nghi ngút gấp bội ngày thường, nhưng không khí tháo khoán phá lệ bao trùm lên tất cả. Tất cả trẻ con, người lớn, trai gái, thanh niên đều như bị cuốn vào các trò vui: đập nôi, cờ tướng, chọi gà, đấu vật, xúc xắc thò lò, cua cá..., trút bỏ tất cả, quên đi tất cả, nhất là đám thanh niên trai gái.

Trai gái các làng bên cũng đổ tới xem rất đông, chủ yếu là để xem tuồng, nhất là tuồng đêm. Sân khấu tuồng được dựng trên sân đình,

ngay trước cửa võng. Cửa võng là chỗ ngồi xem của các chức sắc, quan viên. Hai bên cửa võng, trên các bậc thềm, bậc cửa sân đình, hai bên cánh gà để trống, trai gái đứng xem lẫn lộn, chen lấn, cố ý đụng chạm nhau, lả lơi, cợt ghẹo, tán tỉnh nhau nhiều hơn là để xem tuồng. Chỗ nào, xó nào cũng thấm đậm màu trần tục. Tôi còn nhỏ, không phải là không biết gì, đôi khi vô tình, cũng có khi tò mò nghe được khối chuyện nhảm nhí của lứa tuổi đàn anh. Họ tụ hội, kể lại, khoe nhau đã tán cô này, gạ cô khác, rủ đi đâu, ra điểm, ra đồng. Đến nay tôi vẫn còn nhớ có anh khoe đã ghì một cô tựa lưng vào con chó đá để hôn cô.

Cho nên việc anh Nguyên qua hội đình đã ve vãn được ai đó đối với tôi chẳng có gì lạ. Tôi không nhớ đã viết hộ anh bao nhiêu bức thư, sáu bảy gì đó, thư nào cũng vẫn "quý nương", sặc mùi vọng cổ, tuy thư sau có vẻ đậm thắm hơn và đã có những lời lẽ hẹn hò. Anh cẩn thận dặn tôi đừng để lộ với cha tôi, dĩ nhiên anh không cần phải dặn, không đời nào tôi lại để cha tôi biết.

Rồi một hôm, gần trưa thì phải, mọi người đổ xô ra ao đình xem có người chết đuối. Xác chết là một cô gái mười chín, đôi mươi, chỉ mặc mỗi chiếc quần cộc là quần dài cắt ngắn. Chị là chị Tơ, quê tận Gia Lâm là người ở cho nhà ông Cửu Trịnh.

Có những lời xì xào đồn đại liên quan đến anh Nguyên. Mấy hôm sau, cha tôi gọi anh lên nhà khách, mắng:

- Mày có biết, người ta đang đồn gì về mày không?
- Người ta đồn oan cho cháu.
- Oan ư? Sao người ta lại tìm thấy thư mày gửi cho nó?
- Thư nào ạ? Cháu có biết chữ đâu mà thư từ.
- Thôi đừng cãi, không mày thì người khác, ai lại gọi là "quý

nương"?... Có điều mày ở với tao ngoan ngoãn thật thà, quý em, tao cũng tiếc, nhưng mày làm tao mang tiếng.

Cha tôi thanh toán tiền công và đuổi anh.

Người ta đồn anh làm chị có thai, nên chị nhảy xuống ao tự tử.

Nhưng tại sao lại chỉ mặc mỗi chiếc quần cộc, áo chị ta đâu? Không phải thế, anh ả đang hú hí với nhau trong bụi chuối ở sau đình, con chó bông bông ở đâu xò đến đớp luôn chiếc áo của cô ả tha đi. Mất áo, không dám ở trần về nhà, cô ả ôm ngực chạy ra đầm đầu xuống ao tự tử. Không phải, chị ta vừa cởi áo liền bị chó bông đớp vào cổ, khi vớt xác, cổ vẫn còn hai vết răng nanh của chó. Cũng không phải, cứ mười năm chó đá lại đòi xác người, mà phải là con gái chưa chồng, cách đây chục năm chả có một cô treo cổ ở cây đa là gì, không hiểu tại sao mấy tháng sau cây đa bị sét đánh chết. Sao sét không đánh chó đá, lại đánh vào cây đa? Biết đâu lần này không đến lượt chó đá...

Đều là những chuyện trẻ con nghe lỏm rồi kể lại cho nhau nghe, kể cả khi anh Nguyên đã khăn gói sứt sùi ra đi. Tôi thương anh, nhớ anh. Cha tôi chưa tìm được người khác, mà người khác sao có thể được như anh, nên tôi càng buồn và càng nhớ. Buồn nhớ bao nhiêu tôi càng giận lây con chó đá bấy nhiêu, mặc dầu tôi vẫn bán tín, bán nghi về những lời đồn đại, và không phải không ngại nó. Nhưng tao chỉ sợ mày vào ban đêm, ban ngày tao không sợ, tao sẽ lừa lúc vắng người, hỏi tội mày, xem có đúng mày hại anh Nguyên, chị Tư không. Tôi đã hỏi, đã tát, đã nhổ vào mặt nó. Tôi chờ đợi nó vật tôi. Nhưng tôi không sao, không sốt, không đau mắt, không đau bụng, không thổ máu.

Rồi mọi chuyện cũng qua đi, cha tôi mượn được người làm khác,

anh Lân, rồi anh May, tôi lên lớp nhì năm thứ hai (thời Pháp thuộc có hai lớp nhì), rồi lớp nhất, rồi thi đậu vào trung học ở Hà Nội, rồi kháng chiến toàn quốc, ra đi kháng chiến, chả mấy khi nghĩ tới chuyện cũ nữa.

Mấy chục năm sau, một bữa trong lúc chuyện phiếm với nhau về văn hóa đình chùa vùng quê tôi không xa Hà Nội mấy, một người lên tiếng hỏi thành hoàng một số làng ở vùng này rất lạ, nơi là một ông phó cối, nơi lại là một anh đánh giậm, một gã chết trôi, tôi cũng họa theo, nêu một ví dụ thành hoàng làng Hạ cạnh làng tôi là một người mù. Nào tôi có biết đâu, tay giáo viên dạy Sử ngồi đấy chính người làng Hạ, hấn bật lên đáp lại tôi ngay: "Còn làng ông, làng Bính ấy, ông có biết hội đình, đồ cúng là một đôi lợn cạo, một đực một cái đặt nằm úp vào nhau như đang làm tình không?". Tôi lặng người vì quả thật đây là lần đầu tiên nghe thấy chuyện ấy, giá như hấn ít tuổi hơn tôi lại là chuyện khác, tôi có thể cho là hấn nghe hơi nói mò, nhưng hấn lại hơn tôi tới dăm tuổi, và sống quanh quẩn trong vùng nhiều hơn tôi, hơn nữa mặt hấn, giọng hấn đầy vẻ thách đố rằng tôi khó lòng bác bỏ. Cuối cùng tôi đành bậm bực trả lời: "Được, để tôi về hỏi các cụ, mà nếu có đúng như thế chẳng qua cũng giống như việc các dân tộc Chăm, Lào, Thái... thờ các Linga, một quan niệm sơ khai tôn thờ sự phồn thực của cư dân tồn tại đã lâu đời, có thể tới hàng nghìn năm". Tuy trả lời như vậy, và từ lâu đã không còn tin vào những chuyện nhảm nhí về chó đá, Tây đầm đau bụng, ngã lẩn quay... nhưng vẫn cảm thấy như bị sốc, bị chạm đến niềm tự hào về truyền thống tự do, giao lưu mở cửa, văn hóa văn minh của làng tôi. Lẽ tất nhiên, ngay hôm sau tôi đạp xe về quê hỏi cha tôi. Khi đó tôi đã lớn tuổi, con lớn đã học cấp ba, chẳng còn bé bỏng gì nữa mà

phải e ngại:

- Có chuyện đó không thầy?

- Có!

Không quay lại nhìn tôi, cha tôi hơi nhú mày lại đáp gọn lỏn, coi như việc ấy đã xong. Thấy cha tôi không có ý muốn nhắc tới chuyện ấy nữa, nên tôi cũng chẳng tiện hỏi thêm xem tập tục ấy có từ khi nào, tồn tại đến bao giờ, khi tôi ra đời, khi tôi học xong tiểu học, tập tục ấy có còn không, hay vẫn có, mà trẻ con không biết. Liệu đấy có phải là hủ tục?

Cho tới khi cha tôi mất, tôi vẫn chưa hỏi rõ ra được điều ấy.

Chỉ mới tới hôm qua thôi, khi Khánh Chi ngỏ ý muốn tôi đưa nàng về thăm đình, vấn đề đó mới lại được đặt ra. Tôi quyết định gọi điện thoại hỏi người bạn cùng làng trạc tuổi tôi, cán bộ sở giáo dục về hưu tại Hà Nội. Anh vốn là dòng dõi của người đã bỏ tiền của, công sức ra xây dựng ngôi đình, may ra anh biết nhiều hơn.

- A lô, Chiền à, mình đây, này tôi muốn hỏi ông một chuyện.

- Chuyện gì?

Tôi vào đề luôn:

- Làng mình có thành hoàng không, ông ấy làm nghề gì?

Anh lúng túng ờ, ờ một lúc rồi trả lời:

- Có... có đấy, có điều chỉ là một ông thần trừu tượng, biểu tượng của sự sinh sôi, mấy làng bên ngày xưa họ giấu làng mình thờ dân thần.

Tự nhiên anh gần như nổi cáu, nói tiếp:

- Mà dân thì đã sao, ai chẳng phải dân, không dân lấy đâu ra con cháu, chả hơn thờ linh tinh, một gã lang thang, một anh chột mắt ư?

Tôi kể việc cúng đôi lợn cạo và lời khấn định của cha tôi. Anh đã dụ

lại:

- Cũng có đấy, nhưng là xếp song song, chứ không phải là úp vào nhau, úp vào nhau là thiên hạ họ bôi bác.
- Thế tại sao lại không đôi lộn lược.
- À... thì giống như hội họa hay văn chương tả thực, ông là nhà văn, ông thừa hiểu.
- Thế còn chuyện chó đá đầu đình.
- Là để nó gác đình, giống như các cụ làm nhà chôn chó đá trước cổng để canh cổng... còn những chuyện nó thành tinh, hiện hình đều là chuyện của trẻ con, đâu phải của người lớn.

Nghe xong chuyện, Khánh Chi thở dài bảo tôi:

- Chuyện của anh Nguyên, chị Tư thảm quá, chú có bao giờ gặp lại anh ấy không?

Tôi gật đầu. Gặp nhau trong chiến dịch biên giới. Tôi đang công tác ở Liên hiệp thanh niên sinh viên, anh đi dân công chiến dịch. Gặp nhau hết sức tình cờ trong một quán bán bún riêu. Tôi ngờ ngợ nhận ra anh chính ở đôi kính râm anh vẫn không chịu "từ bỏ":

- Anh Nguyên phải không, em là Cương đây.
- Trời ơi cậu Cương, ra dáng thế này ư?

Chúng tôi cùng đứng lên ôm chầm lấy nhau. Anh nói đã có vợ và hai con, tản cư ở phố Lò, làm nghề bán dép lốp. Tôi hỏi lại chuyện cũ.

- Không phải như lời họ đồn đại đâu. Anh bác ngay. Rồi kể trước đó dăm hôm chị Tư còn nổi cáu với anh. Chị bảo nhà gọi về định gả cho một thằng nửa ngô nửa ngọng, điên điên dở dở, mỗi khi nói lại trợn mắt ngửa cổ, mồm hắc hắc một thôi một hồi mới rặn ra nổi mấy tiếng... nhưng nhà nó giàu. "Có lấy không?". "Sao lại không, hỏi thế

mà hỏi được à, lấy nó, thả đâm đầu xuống ao chết quách còn hơn!". Rồi chị ví: "Một đêm quân tử nằm kề, còn hơn thằng ngố võ về quanh năm". "Thế anh có đáng mặt quân tử không?". "Còn xem có nuôi nổi không đã". "Vào Nam sống với nhau". "Vào để cùng đi ở với nhau à?". Anh bảo không lo đâu, anh đã từng làm nhiều nghề, mà trong ấy dễ kiếm việc lắm. Chị bảo để chị nghĩ xem đã.

- Người ta đồn anh chị đã...

- Đồn bậy, đồn bạ, tối đó có hẹn hò gặp gỡ gì nhau đâu.

- Thế thì vì sao... - Tôi định nói chị ấy lại tự tử nhưng không nỡ.

- Vì sao lại chết đuối ư? Cậu không nhớ tối ấy trời rất oi bức ư? Chắc đợi khuya vắng người ra ao tắm... chứ bằng lòng vào Nam với tôi rồi kia mà.

- Chị ấy có biết bơi không?

- Biết bơi... mà bị Nam rút (*) thì cũng chết.

- Thế quần áo đâu, tại sao lại mặc mỗi chiếc quần cộc?

- Chắc quần áo thay để trên bờ, đêm đó trời nổi giông cuốn bay xuống nước, chứ ai người ta thêm lấy! Máy lần tôi đã định lội xuống mò, nhưng sợ người ta nghi, sinh rắc rối lại thôi... Đêm khuya lại mò ra ao tắm, cứ như bị ma rủ ấy.

Hay là chị ấy bị ma rủ thật, tôi bỗng nghĩ đến con chó đá thành tinh. Thì ra tôi vẫn chưa hết sợ nó. Năm ấy tôi đã mười chín tuổi, đã học xong trung học.

Từ Hà Nội về làng Bính chưa đầy hai chục cây số, chín giờ sáng hôm sau, xe máy chúng tôi đã về tới sân đình. Đình vắng vẻ và yên tĩnh. Một cảm giác trái ngược xảy ra ở trong tôi, đình rộng lớn và mênh mông quá, càng xem lại, càng thấy tài hoa, càng trỗi dậy

những kỷ niệm hội hè thể tục, trái lại con chó đá ngày xưa hình như nó cao ngang ngực tôi, gây cho bọn trẻ chúng tôi bao nỗi sợ hãi vu vơ, không ngờ bây giờ nó thấp bé đến thế, chưa tới thắt lưng tôi, già nua, cũ kỹ.

Tôi vỗ vào đầu nó hỏi đùa:

- Thế nào bác cún, đã phải đeo răng giả chưa?

Khánh Chi hỏi tôi:

- Liệu trẻ con bây giờ có sợ nó như ngày xưa không?

- Chắc là không, đến thời chó đá hoàn chó đá rồi.

Nói xong tôi bỗng nhớ tới câu thơ trong bài "Cái chết của con sói" của nhà thơ Pháp Alfred Vigny "Người ta vĩ đại bởi vì mi quỳ gối" (On est grand parce que tu te mets genoux).

N.B

() Ngày xưa nhiều người tin chết đuối là do bị con Nam (ma dưới nước) rút chân*

Thời chuồn chuồn cắn rốn

Nhế ra, phải, nhế ra, chúng tôi phải là đôi bạn chí thân. Tôi là Chí, hần là Thân, hai cái tên do bố mẹ đặt cho theo ý riêng, mà có lúc tưởng như tạo hóa sắp đặt.

Thân ở ngõ trên, tôi ở ngõ dưới. Thân bằng tuổi tôi, học dưới tôi một lớp, còi cọc hơn tôi, chơi với nhau từ thời con nít, bảy tám tuổi gì đó, có lần suýt nữa đã đồng sinh đồng tử với nhau. Tôi vẫn nhớ như in cái lần ấy. Chúng tôi chưa biết bơi, mặc dầu đã cho chuồn chuồn chúa cắn rốn dăm bảy lần.

Lần ấy chúng tôi rủ nhau ra tắm ao cuối ngõ. Khoảng hai ba giờ chiều, xung quanh vắng tanh không một bóng người. Ao nông, lội ra tận giữa ao, nước chỉ đến ngực. Chúng tôi dắt tay nhau, nhích dần từng bước nhỏ, tiến về phía bờ bên kia chẳng hiểu để làm gì, hơn nữa bờ bên kia là một vạt đất hoang, cây cối um tùm, đầy rắn rết, ít khi có người sang. Nhích dần, nhích dần, nếu nước sâu thêm đến cổ, sẽ dắt tay nhau quay lại. Nhưng đáy ao vẫn bằng phẳng, nước vẫn không quá ngực. Được hai phần ba ao, bỗng tí ụp, cả hai nhào xuống thùng đầu, rời nhau ra.

Sau này, mỗi lần nhớ lại, tôi vẫn không hiểu tại sao chìm nghỉm dưới nước sâu tôi lại làm được cái điều kỳ lạ là quờ quạng dưới đáy rồi lần ra bờ thùng đầu, còn tay kia không quên khua khoắng kéo được cánh tay Thân, cùng leo lên. Ấu cũng là cái số không chết bởi xung quanh nào có bóng ai để biết mà ra cứu. Bản năng sống, hay còn phải trả nợ đời, hay tạo hóa muốn ban tặng chúng tôi một kỷ niệm khó quên, chỉ biết rất mừng, tuy bị uống nước ao khá nhiều. Nhưng rất lạ là cả tôi và Thân sau đó chẳng bao giờ nhắc lại với nhau chuyện cũ, và cũng chẳng bao giờ tắm lội cùng nhau nữa. Rồi thì tôi cũng biết bơi, chỉ mấy tháng sau thôi, đứa biết bơi dạy đứa chưa biết bơi, lúc đầu bơi úp mặt, rồi bơi ngửa, rồi bơi được thật sự tuy chỉ dăm bảy mét. Còn Thân, vì không cùng tắm lội, có biết bơi không, tôi không biết và cũng chẳng bao giờ hỏi.

Tuy vậy, thỉnh thoảng vẫn chơi với nhau. Đêm, đốt đèn rủ nhau đi bắt dế chọi. Dế của tôi bao giờ cũng thua. Rồi chơi bi, chơi đáo. Cũng vẫn thua. Tôi nhớ một lần chơi đáo ngay ngoài ngõ nhà tôi, tôi thua khá nhiều. Chiều đã tắt nắng, anh Lân, người giúp việc của nhà tôi gọi tôi về ăn cơm. Mẹ tôi đã mất, cha tôi có việc buôn bán phải đi vắng mấy hôm, nhà chỉ có mỗi hai anh em, anh phải chăm nom, cơm nước cho tôi. Tôi không về, bảo chơi thêm mấy ván để gỡ. Nhưng càng gỡ càng thua. Anh sốt ruột lại ra gọi tôi. Tôi vẫn không chịu về. Mỗi khi đi vắng, cha tôi thường cho tôi một ít tiền. Thua gần nhẵn túi, mất tới hơn một hào, một hào là mười xu, mà thời đó một xu mua quả trứng vịt. Trời lại sắp tối rồi, thấy thế, anh Lân bảo:

- Để tao chơi hộ nó.

Thân không đồng ý. Anh trợn mắt:

- Mày định ăn non à?

Anh chơi hộ. Và chơi gian. Khi dùng xu cái đánh xu con lên khỏi vạch tí, anh quét tay hất xu con lên, bách phát bách trúng.

- Ê, chơi quét tay à?

Anh ngửa bàn tay dí tận mắt nó:

- Đây, mày xem, có lấm đất không?

Được ba ván, gỡ được ba xu, nhìn về mặt Thân, vừa ẩm ực vừa cam chịu, tôi bỗng thấy áy náy, liền bảo anh:

- Thôi, không chơi nữa, em đói lấm rồi.

Lúc ăn, tôi bảo anh:

- Anh đã chơi gian, lại còn bắt nạt nó.

Anh cười:

- Không thế, ôi hết cơm à?

Năm chín tuổi, tôi thi đỗ bằng sơ học yếu lược, cái bằng giữa cấp tiểu học, to gần cỡ giấy A3 bây giờ, phải có nó mới được thi lên lớp nhì, và cũng phải có nó mấy ông phó lý (chắc tuổi bố tôi, ngồi thi cùng phòng với tôi) mới đủ điều kiện chạy chân lý trưởng, cũng là năm Thân thôi học. Chẳng hiểu có phải tại bị lưu ban hay không, nhưng Thân bảo tôi:

- Bố tớ bảo, sĩ, nông, công, thương, nhất sĩ nhì nông, hết gạo chạy rông, nhất nông nhì sĩ.

Thân thôi học, tạm thời ở bậc nhì, nhưng rồi có ngày lên bậc nhất. Còn tôi cứ biết việc là phải đi học, trốn học, lười học là ăn đòn, chứ đâu nghĩ nổi sâu xa đến chuyện nhất nhì.

Chúng tôi vẫn chơi với nhau, dĩ nhiên ít hơn trước, không phải do Thân thôi học, vì trước đó khác lớp, lại ngõ trên, ngõ dưới, có bao giờ rủ nhau đi học đâu, mà vì tôi đã có những bạn mới, cả ở làng khác đến học, cho nhau mượn sách mượn truyện, và tôi bỗng sinh ham đọc truyện, linh tinh đủ loại, sách hồng, trinh thám, dã sử ...

Thân hỏi tôi học hành thế nào, có khá không, tôi bảo cũng khá, thằng Ty Vắn con ông Cai Khiếu và Ty Tiến con ông Thơ Tiến, ngồi hai bên vẫn phải coi bài của tôi. Ty Vắn xui tôi che bài đừng cho Ty Tiến coi, sẽ cho tôi chiếc sáo nhỏ xíu bằng gỗ vắn đeo vào chân chim bồ câu ngày hội thả chim, để tôi gắn vào điều. Còn Ty Tiến lại hứa cho tôi bức tranh Quan Công cầm long đao, nếu tôi che bài với Ty Vắn.

Nghe kể, Thân bảo:

- Mỗi Quan Công thôi thì chán chết, nhà tớ có hẳn bức Đào viên kết nghĩa có đủ bộ ba Quan Công, Lưu Bị, Trương Phi.

Tôi bỗng nghĩ đến chuyện tôi và Thân cũng đã từng sống chết có nhau dưới chiếc thùng đấu, biết đâu chả trở thành kết nghĩa đào viên, liền gạ luôn:

- Đổi cho tớ đi.

- Đổi lấy gì?

Tôi nghĩ một lúc rồi bảo:

- Năm cái đĩa nhỏ, được không?

- Dĩa là cái gì?

- Như cái đĩnh ba ấy, để ăn bánh ngọt, trái cây, khỏi phải cầm bản tay.

Nói rồi, tôi về ngay lấy dĩa cho Thân xem. Chả là cha tôi đã lấy vợ kế. Trước bà buôn cốc, tách, ấm trà, thìa dĩa... ở thị xã Ninh Bình. Hàng tồn, bà mang theo về xếp đầy tủ chè nhà tôi. Loại dĩa nhỏ có tới mấy chục chiếc cắm đầy hai bên chiếc cốc trong tủ. Thân mân mê mấy chiếc dĩa, nhìn tôi, phân vân, rồi gật đầu đồng ý. Tôi chờ mấy tuần, rồi mấy tháng sau vẫn chẳng thấy Thân đem tranh lại. Tôi nghĩ, hay là nó nói hươu nói vượn, hoặc thấy ở nhà ai đó, chứ thật ra không có. Tôi chẳng đòi lại dĩa, nhà tôi còn khối, còn nó cũng lờ đi như không hề có chuyện gì. Giá nó nói với tôi một câu, bịa ra cũng được, bố nó không cho đổi, sẽ trả lại dĩa, rồi không trả cũng có sao đâu. Tôi với nó, đã khi nào to tiếng với nhau mà ngại.

Nhưng từ đó, chúng tôi ít chơi với nhau hơn, mà có chuyện gì để nói, bi, đáo, dể chọi, tôi không chơi nữa, vì đã lớn hơn. Chúng tôi như đã ở hai miền khác nhau. Tôi lo chuyện học hành thi cử, vui chơi đã có cấm trại, học hát, diễn kịch, nghe thầy giáo kể chuyện Ác-xen Luy Panh vào giờ giải trí thứ bảy hằng tuần, còn Thân lo nhất nông nhì sĩ theo định hướng của bố, ông Mười Bí, Mười là tên tục của ông, còn Bí là tên của chị cả Thân.

Rồi tôi thi đỗ vào trung học, ra Hà Nội học. Đang học năm thứ nhất thì ngày 9.3.1945 Nhật đảo chính Pháp. Tôi đã mười bốn tuổi, đã từng đọc những sách loại như Vợ ba Đề Thám, Chuyện Cô Giang..., cha tôi trước đó thường đọc thơ Phan Bội Châu cho tôi nghe nên lúc này, trong lòng tôi bỗng nổi lên cái gì đó, khuấy động tôi, là cái gì, tôi cũng không rõ nữa, có thể chỉ như chuyện "chuồn chuồn cắn rốn", nhưng lòng ham muốn biết bơi là có thực.

Hết năm học, về quê nghỉ hè, phong trào Việt Minh gần như công khai ở làng tôi. Những đêm trăng sáng, các đội tự vệ rình rịch đi tập quân sự ở mấy bãi tha ma sau làng. Báo Cứu Quốc bằng giấy giang màu xanh nhạt dán công khai ngay đầu ngõ nhà tôi. Tôi muốn làm một việc gì đó. Giá ai đó tìm đến tôi. Không ngờ tìm đến tôi lại là Thân. Thân rủ tôi ra chỗ bụi tre vắn cuối ngõ, ngay bờ ao chúng tôi suýt chết đuối ấy, đưa bài Tiến quân ca cho tôi chép, rồi dạy tôi hát: "Đoàn, quân Việt Minh đi, chung lòng cứu quốc...", Đoàn, ngắt hẳn ra chứ không liền Đoàn quân Việt Nam như bây giờ. Thân còn nói, cờ của Việt Minh màu đỏ sao vàng năm cánh, năm cánh là sĩ, nông, công, binh, thương. Tôi hỏi:

- Ai phổ biến cho cậu?

Thân hơi mỉm cười, vẻ bí mật:

- Người của đoàn thể.

Chỉ có thể, chả có gì thêm nữa. Rồi một hôm Việt Minh làng tôi tổ chức đoàn biểu tình sang Phú Ninh (Ninh Hiệp bây giờ) chống Nhật thu thóc, tôi đánh liều vác con dao dài chuôi sừng, lưỡi chạm hoa văn hai mặt, của cha tôi đi theo mà không thấy có Thân. Rồi tới 17/9/1945 trước tổng khởi nghĩa hai ngày, Việt Minh làng tôi tổ chức biểu tình thị uy, cướp chính quyền, tôi cũng đi theo hô đến khẩu cổ "Đả đảo", "Muôn năm", vòng đi vòng lại suốt các đường chính trong làng, quá khuya mới giải tán, cũng không thấy Thân. Tôi hơi lạ, nhưng không hỏi, rồi nghĩ bụng hay là Thân bị bố cấm.

Hết hè, tôi lại ra Hà Nội học tiếp.

Tháng 12 năm 1946, tôi cấp sách đến trường, cho tới khi sân trường Chu Văn An (nay là trụ sở Bộ Tư pháp ở đường Trần Phú) vắng tanh, chỉ còn thấy mỗi thầy Phong (tàu) và thầy Thái (cò). Hai thầy vẫy tay bảo tôi về mà đi tản cư. Tôi không về quê, lòng những muốn ở lại tham gia kháng chiến. Tôi đã sang tuổi mười tám, đang lớn như thổi. Cha tôi sai người ra gọi tôi về. Tôi về người không, không mang theo quần áo, sách vở gì, định bụng xin cha tôi ít tiền rồi lại ra.

Nhưng hôm sau giặc chiếm Gia Lâm, tắc đường. Bốn hôm sau, toàn quốc kháng chiến. Gia đình tôi đi tản cư. Tôi không đi, vừa để trông nhà, trong nhà còn nhiều đồ đạc, hàng hóa chưa thuê chuyển đi được, vừa để tham gia việc gì đó với dân quân, gác đêm chẳng hạn. Một hôm, Thân dò xuống nhà tôi rủ tôi chơi bài xì. Ở nhà một mình, cũng buồn, sách vở để hết ở Hà Nội chẳng có gì xem, dân quân thì chưa đủ tuổi, tôi nhận chơi và lại thua, thua đau. Mất hơn hai chục đồng, gần hết số tiền cha tôi để lại cho tôi tiêu và mua thức ăn hằng ngày. Đây là lần gặp nhau cuối cùng trước khi gặp lại gần chục năm sau.

Hơn nửa tháng sau, xảy ra trận mồng ba tháng ba âm lịch đầu năm 1947 mà dân làng tôi đã đặt vè: "Mồng ba tháng ba, thịt gà trôi nước, biết thế này cúng trước hôm qua...".

Trận tấn công đầu tiên khốc liệt, có cả hai chiếc máy bay Sprit-fire uy hiếp và súng cối, đại bác hiệp đồng. Mười hai du kích hy sinh, mấy dân thường bị giết. Riêng xóm tôi, giặc không vào nổi, nhưng bị trả đũa một trận cối và đại bác dữ dội trước khi rút. Khi đã yên, tôi ra chỗ cổng xóm, nơi tôi đã cùng dân quân gác đêm, nơi giặc không vào nổi và còn vớ được mảnh xương hàm có nguyên răng bị bắn vỡ và bỏ lại. Tôi còn thăm một số cổng khác nữa, vẫn không thấy Thân đâu, chắc đã theo gia đình đi tản cư.

Sau trận ấy, cha tôi về bắt tôi đi học tiếp, vì ngoài vùng tự do kháng chiến, một số trường trung học đã mở. Năm 1950, đang học dở bán tú tài, kháng chiến bước sang giai đoạn chuẩn bị tổng phản công, học sinh chuyên khoa chúng tôi, người thì ghi tên vào lục quân khóa 6, người thì đi công tác, tôi cũng đi công tác thanh niên và năm sau chuyển sang ngành sư phạm, dạy học tận Hà Giang.

Cuối năm 1956, lúc tôi đã tốt nghiệp đại học và đang dạy tại một trường cấp ba, em gái tôi đến mời về dự lễ cưới của nó tại thành phố Nam Định. Lúc đó nó là công nhân nhà máy dệt. Nó bảo tôi:

- Anh sẽ gặp anh Thân đấy. Anh ấy là chấp hành công đoàn ở chỗ em.

Thì ra năm 50, lúc tôi đi công tác thanh niên, cũng là lúc Thân vào làm công nhân dệt vải quân nhu ở Quyên, Thái Nguyên, không "nhất nông nhì sĩ" nữa, mà đã đứng vào hàng ngũ giai cấp tiên phong. Hôm cưới em gái tôi, gặp nhau, Thân cười, vẫn cái cười dè dặt, phân bua như khi xưa chơi bài với nhau, rồi hỏi tôi:

- Chí đã người của đoàn thể chưa?

Thật ra, chưa bao giờ tôi thấy Thân có cái cười thoải mái, hết lòng, hết cỡ, vô tư, nhưng cái cười sáo mòn, nhàm chán và câu hỏi lạc lõng ấy vẫn làm tôi sửng người và trả lời cộc lốc:

- Không!

Rồi hết. Tôi cứ ngỡ phải ôm chầm lấy nhau, đâm thùm thụp vào lưng nhau, nhắc lại thời "chuồn chuồn cắn rốn", nhắc lại cái thùng đấu, Tiến quân ca, rồi hỏi nhau gần mười năm qua sống ở những đâu, công tác gì, vợ con thế nào rồi... Ai ngờ lại bẽ bàng đến thế.

Lại hai năm năm nữa mới lại gặp nhau, khi đã về hưu cả. Thân sau lên quản đốc phân xưởng, rồi được đi học chính trị ở Hà Nội, được giữ lại trường làm phó phòng hành chính, về hưu với mức lương cán sự năm. Thân về làng ở. Tôi vẫn ở ngoài thành phố, năm vài ba lần về thăm làng, và cha tôi đã mất, anh em mỗi người về hưu ở một tỉnh, chẳng còn ai. Lần nào về chơi cũng ghé thăm Quắc, cũng cùng tuổi, ở ngay cạnh nhà tôi và lần nào cũng gặp Thân đang ngồi chán cạ ở đấy. Họ thanh minh, cò con thôi, được thua nhiều nhất chỉ mấy chục nghìn, chỉ là giải trí. Thân, đầu nhỏ như chiếc gáo dừa, lơ phơ mấy sợi tóc bạc, mắt thường đỏ ngầu, thường chỉ liếc nhìn tôi, rồi lại cắm mắt xuống những quân bài.

Một lần, mọi người vừa chơi xong, giữ tôi ngồi lại nói chuyện. Vài người hỏi chuyện viết văn dịch sách của tôi, có kiếm được không. Tôi bảo cũng mất ngủ lắm, nhưng lương hưu đủ ăn, nên cũng để dành được ít tiền mua được mấy chục mét vuông đất trong ngõ hẹp, làm

được ngôi nhà nhỏ đủ ở, không phải ở nhờ người quen nữa. Một người khen tôi ngày xưa học giỏi. Tôi thanh minh:

- Chẳng qua nhà tôi có điều kiện hơn, không phải vất vả như các ông, chứ ở điều kiện như tôi, có khi các ông giỏi bằng mấy.

Chả hiểu sao tự dưng Thân hứng lên, hồn nhiên khoe:

- Ông cụ nhà tôi thông minh lắm nhé, thuộc lòng từ đầu đến cuối truyện Kiều.

Chẳng hiểu ông Mười Bí có thuộc lòng ba nghìn hai trăm năm tư câu Kiều thật hay không, nhưng nghe Thân khoe, tôi bỗng nhớ một hôm cháu nội tôi, được mẹ đèo, vừa chân ướt chân ráo về đến nhà đã vội khoe:

- Ông ơi, hôm nay Minh đến trường sớm nhất!

Rồi lại nhớ tiếp lâu lắm rồi, nhân nói về chuyện học, tự nhiên cha tôi phì cười kể:

- Ngày xưa ông Mười Bí học chữ nho cụ Hương Tráng, dốt quá bị cụ đánh luôn. Ông ấy tức, bắt một con châu chấu bỏ vào bao diêm, rồi hờ khóc "Ồi Hương Tráng ơi là Hương Tráng ơi", không thèm học nữa.

Và bây giờ con ông đang khoe ông thông minh, chỉ thiếu nước ca ngợi ông sáng suốt "...hết gạo chạy rông, nhất nông nhì sĩ".

Nhế ra... Không, chúng tôi khác nhau nhiều quá. Những kỷ niệm xưa có lẽ chỉ là kỷ niệm của riêng tôi, Thân không có kỷ niệm. Nhưng cũng chỉ là kỷ niệm của một thời "chuồn chuồn cắn rốn".

Nguồn: Thanh niên

Người đăng: Thành viên VNTQ

Thời gian: 29/11/2007 9:49:38 CH